

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22-9-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng

Ông Trần Văn Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Kil – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 402/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Huỳnh N, sinh năm 1996 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp V, xã P, huyện T, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 6 năm 2022 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Huỳnh N trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh C. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hòa hợp trong cuộc sống, ông C mê chơi, không lo cho vợ con, vợ chồng không còn chung sống từ tháng 10 năm 2021 đến nay. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn C. Trong quá trình chung sống bà và ông C có một người con chung tên Nguyễn Hưng T, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2020, con chung đang

do bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Đối với ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng ông C vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Huỳnh N. Cho bà Lê Huỳnh N ly hôn với ông Nguyễn Văn C; giao con chung cho bà Lê Huỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng; buộc ông Nguyễn Văn C cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Huỳnh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Văn C, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Văn C là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Huỳnh N và ông Nguyễn Văn C tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh C nên hôn nhân của bà Lê Huỳnh N với ông Nguyễn Văn C là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa bà N giữ quan điểm yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn C. Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Văn C nhiều lần để tham gia hòa giải và xét xử nhưng ông C vắng mặt, không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà Lê Huỳnh N. Bà N cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm, ông C mê chơi, không lo làm ăn, không lo cho vợ con, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2021 đến nay. Bà N xác định không còn tình cảm với ông C. Điều này cho thấy vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên tình trạng hôn nhân giữa bà Lê Huỳnh N với ông Nguyễn Văn C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Huỳnh N về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà Lê Huỳnh N và ông Nguyễn Văn C có một người con chung tên Nguyễn Hưng T, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2020 con chung do bà Lê Huỳnh N đang trực tiếp nuôi dưỡng, bà N

yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau cho đến nay con chung đang do bà Lê Huỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng. Theo khoản 3 Điều 81 của luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Xét thấy, người con chung tên Nguyễn Hưng T, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2020 đến khi xét xử sơ thẩm dưới 36 tháng tuổi, giữa bà N và ông C không có thỏa thuận việc nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điều luật đã dẫn dẫn chấp nhận yêu cầu của bà Lê Huỳnh N, giao người con chung tên Nguyễn Hưng T, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2020 cho bà Lê Huỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Tại phiên tòa bà N yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà N phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 82 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Hưng T, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2020 mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

[6] Về tài sản chung, nợ chung bà Lê Huỳnh N và ông Nguyễn Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị như nêu trên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà N phải chịu 300.000 đồng, bà N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng được chuyển thu án phí. Ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Huỳnh N và ông Nguyễn Văn C.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Hưng T, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2020 cho bà Lê Huỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc ông Nguyễn Văn C cấp dưỡng nuôi người con chung tên Nguyễn Hưng T, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2020 mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Bà Lê Huỳnh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0017948 ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà N đã nộp đủ án phí.

Buộc ông Nguyễn Văn C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Án xử sơ thẩm, bà Lê Huỳnh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã P, huyện T, tỉnh C ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều